TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 158 /2017/HNGĐ- ST Ngày: 21/9 /2017 V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hạnh

Ông Phạm Cảm

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Dương Thị Bích Dịu – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 632/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 149/2017/QĐXX-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số : 115/2017/QĐHPT ngày 05/9/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Thúy A(Có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị đơn:* Anh Võ Lưu Mạnh B (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/5/2017 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy A trình bày:

Chị A và anh B tự nguyện lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ngày 21/10/2011.

Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh B ham mê bài bạc, dẫn đến nợ nần, vợ chồng phải bán nhà để trả nợ, mặc dù đã được gia đình khuyên bảo rất nhiều nhưng anh B vẫn không thay đổi, không quan tâm chăm sóc vợ con nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2016. Nay mâu

thuẫn đã rất trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, nên chị A yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh B.

Về con chung: Chị A và anh B có 01 con chung: Cháu Võ Lưu Mạnh C – sinh ngày 24/4/2012.

Chị A có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh B đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay đương sự có mặt vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn anh B cư trú tại: Đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo quy định tại khoản 1 Điều 26; Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, anh B vắng mặt là lần thứ hai, do đó tòa án vẫn tiến hành phiên tòa xét xử yêu cầu khởi kiện của chị A vắng mặt anh B là phù hợp theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của chị A xin ly hôn anh B, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị A và anh B tự nguyện lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 21/10/2011 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ .

Xét yêu cầu của đương sự; Theo chị A trình bày quá trình duy trì hôn nhân chị A, anh B thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B không tu chí làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con, còn ham mê bài bạc dẫn đến nợ nần phải bán nhà trả nợ, mặc dù vậy nhưng anh B vẫn không sửa đổi nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay.

Kết quả xác minh tại địa phương nơi cư trú của anh B, chị A thì chính quyền địa phương cho biết: Vợ chồng anh B, chị A thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc nguyên nhân mâu thuẫn do anh B bài bạc, nợ nần nhiều và thường xuyên vắng nhà, mặc dù đã được gia đình và chính quyền địa phương tổ chức hòa giải nhưng vợ chồng không thể đoàn tụ, hiện nay vợ chồng chị A, anh B đã sống ly thân.

Quá trình tòa án giải quyết vụ án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh B vắng mặt không có lý do nên không lấy được lời khai của anh B.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị A, anh B đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly

hôn anh B của chị A là phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

-Về con chung: Chị A, anh B có 01 con chung là: cháu Võ Lưu Mạnh C – sinh ngày 24/4/2012, hiện nay cháu C đang do chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, mặt khác anh B không có việc làm ổn định, thường xuyên vắng nhà, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con cần giao con chung cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Việc cấp dưỡng nuôi con chị A không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản chung : Chị A không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết .

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 4 Điều 147; Điều 220; Điều 235; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy A.

- Chị Nguyễn Thị Thúy A được ly hôn anh Võ Lưu Mạnh B.

-Về con chung: Giao con chung: Cháu Võ Lưu Mạnh C – sinh ngày 24/4/2012 cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

-Anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị A không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

-Về tài sản chung: Chị A không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

-Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án

phí anh X nộp thay chị A theo biên lai thu số AA/2016/0000700 ngày 23/6/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND Tp. BMT;
-Chi cục THADS Tp.B;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Nguyệt